

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo Sư

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Chính trị học**; Chuyên ngành: **Quan hệ quốc tế**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN XUÂN HIỆP**

2. Ngày tháng năm sinh: **02/09/1984**; Nam Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: **xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **số nhà 30 Nguyễn Đình Liễn, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh**

6. Địa chỉ liên hệ: **Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội, Trường Đại học Duy Tân, số 03 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.**

Điện thoại nhà riêng: **Không có**; Điện thoại di động: **0987760410**; E-mail: **hiepdtu@gmail.com**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

| Thời gian | Công việc, chức vụ, cơ quan |
|-------------------|--|
| 11/2009 - 05/2010 | Trợ giảng , Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Duy Tân |
| 05/2010 - 02/2012 | Giảng viên , Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Duy Tân |
| 02/2012 - 11/2013 | Trợ lý Trưởng Khoa , Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Duy Tân |
| 11/2013 -03/2014 | Phó Khoa thường trực , Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Duy Tân |
| 03/2014 - 01/2020 | Trưởng Khoa , Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Duy Tân |
| 01/2020 đến nay | Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội kiêm Giảng viên , Trường Đại học Duy Tân |

Chức vụ: Hiện nay: **Cán bộ nghiên cứu kiêm Giảng viên Trường Đại học Duy Tân**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng Khoa**

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Duy Tân**

Địa chỉ cơ quan: **số 03 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng**

Điện thoại cơ quan: 0236.3650403

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Không có**

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): **Không có**

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): **Không có**

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **Đại học** ngày 31 tháng 08 năm 2007; số văn bằng: **A0072195**; ngành: **Lịch sử**, chuyên ngành: **Sư phạm Lịch sử**

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam**

- Được cấp bằng **Thạc sĩ** ngày 08 tháng 4 năm 2010; số văn bằng: **001033**; ngành: **Lịch sử**, chuyên ngành: **Lịch sử Thế giới**

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Đại học Huế, Việt Nam**

- Được cấp bằng **Tiến sĩ** ngày 08 tháng 9 năm 2014; số văn bằng: **0000067**; ngành: **Lịch sử**, chuyên ngành: **Lịch sử Thế giới**

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học Huế, Việt Nam**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Duy Tân.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Triết học - Xã hội học - Chính trị học.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu quan hệ quốc tế tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương/ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương bao gồm tất cả các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa - xã hội, chính trị - an ninh, quốc phòng;

- Nghiên cứu về Khu vực Đông Á/Đông Nam Á và Chính sách/quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

4. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;

- Đã hoàn thành 03 đề tài cấp Cơ sở; đang là thành viên chính của 02 đề tài cấp Nhà nước (1 Nhiệm vụ Khoa học công nghệ độc lập cấp Quốc gia và 1 đề tài Nafosted);

- Đã công bố 92 bài báo KH, trong đó có 06 bài báo Scopus và 06 bài trên tạp chí quốc tế khác;

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó cả 05 sách chuyên khảo, tham khảo đều thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước (NXB Khoa học Xã hội, NXB Thông tin và Truyền thông, NXB Thế giới)

15. Khen thưởng:

| Thời gian | Hình thức, lý do khen | Cấp ký Quyết định |
|------------|---|------------------------------------|
| 10/11/2014 | Giấy khen Đã có thành tích: "Đạt điểm cao nhất về Nghiên cứu khoa học trong Giảng viên". Vào sổ khen thưởng số 3309 | Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân |
| 19/11/2015 | Giấy khen Đã có thành tích: "Hoàn thành xuất sắc công tác Tuyển sinh năm 2015". Vào sổ khen thưởng số 556/QĐ-ĐHDT | Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân |
| 20/02/2017 | Giấy khen Đã có thành tích "Cán bộ quản lý Nghiên cứu khoa học xuất sắc nhất Trường". Vào sổ khen thưởng số 504/QĐ-ĐHDT | Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân |
| 29/11/2020 | Giấy khen Đạt thành tích "Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2020". Quyết định số 05/QĐ-ĐU | Đảng Ủy Trường Đại học Duy Tân |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên tại trường đại học và là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bản thân luôn cố gắng rèn luyện, phấn đấu trau dồi kiến thức chuyên môn, giữ gìn phẩm chất đạo đức của một nhà giáo, hết mình với công việc được giao. Tôi đã dành nhiều tình yêu, niềm đam mê và cả lương tâm, trách nhiệm của một người giảng viên đại học cho công tác dạy học và nghiên cứu khoa học cùng các hoạt động xã hội.

Trong quá trình học tập và công tác, tôi đã không ngừng học hỏi, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của đơn vị đặt ra. Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi đã theo học thạc sĩ và tiếp tục học tiến sĩ. Bên cạnh đó, bản thân tôi cũng thường xuyên rèn luyện tiếng Anh và tin học để đáp ứng yêu cầu ngày một cao của công việc.

Là một công dân Việt Nam, tôi luôn có ý thức chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Đồng thời chấp hành nghiêm túc chỉ đạo của Ban Giám hiệu, nội quy và quy định chung của nơi công tác, sống hòa đồng với đồng nghiệp và nhiệt huyết trong giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, học viên nghiên cứu khoa học.

Cá nhân tôi luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, được Đảng Bộ Trường và Ban Giám hiệu trao nhiều giấy khen trong quá trình công tác.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 11 năm. Trong 11 năm qua, kể từ khi được công nhận giảng viên vào ngày 08/5/2010, công việc của tôi đều liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo (giảng dạy, hướng dẫn đại học và sau đại học)

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|---|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SDH | |
| 1 | 2015-2016 | | | | | 311 | | 311/417.54/202.5 |
| 2 | 2016-2017 | | | | 05 | 270 | | 270/483.45/202.5 |
| 3 | 2017-2018 | | | | 03 | 379 | | 379/601.38/202.5 |
| 3 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2018-2019 | | | | 01 | 462 | 63 | 525/734.27/202.5 |
| 5 | 2019-2020 | | | | 01 | 414 | 84 | 498/597.25/202.5 |
| 6 | 2020-2021 | | | 02 | 02 | 345 | | 345/574/270 |

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: **Viện Đại học Mở Hà Nội**; số bằng: **081265**; năm cấp: **2013**

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp Đại học Ngôn ngữ Anh (bằng thứ hai, hệ chính quy), do Viện Đại học Mở Hà Nội cấp ngày 02/08/2013

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|-----------------------------------|---|---|
| | | NCS | HVCH/CK2/BSNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Trần Quốc Anh | | X | X | | 11/2/2016-11/8/2016 | Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội | 20/12/2017 số 3401/QĐ-XHNV (ngành Quốc tế học) |
| 2 | Trần Thái Bảo | | X | X | | 25/7/2020-25/1/2021 | Trường Đại học Duy Tân | 06/3/2021 |

| | | | | | | | | |
|---|-------------------|--|---|---|--|----------------------|------------------------|---|
| | | | | | | | | số 1086/QĐ-ĐHDT (ngành Quan hệ quốc tế) |
| 3 | Võ Thị Thanh Xuân | | X | X | | 25/7/2020-25/1/2021 | Trường Đại học Duy Tân | 06/3/2021 số 1086/QĐ-ĐHDT (ngành Quan hệ quốc tế) |
| 4 | Dương Quang Trà | | X | X | | 11/5/2021-11/11/2021 | Trường Đại học Duy Tân | Đang thực hiện (ngành Quan hệ quốc tế) |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----------|---|----------------------------|------------------------------------|------------|---------------|---|--|
| I | Trước khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | | |
| 1 | 7 kỳ quan thế giới cổ đại | TK | NXB Thông tin & Truyền thông, 2014 | 1 | Chủ biên | 1-126 | Giấy Xác nhận Số: 2134/XN-ĐHDT ngày 15/7/2021 |
| II | Sau khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | | |
| 1 | Quan hệ Việt Nam - Campuchia từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay | TK | NXB Khoa học Xã hội, 2014 | 1 | Chủ biên | 1-370 | Giấy Xác nhận Số: 2134/XN-ĐHDT ngày 15/7/2021 |
| 2 | Lịch sử văn minh thế giới: 178 câu hỏi tự luận và trắc nghiệm | TK | NXB Thông tin & Truyền thông, 2015 | 2 | Đồng chủ biên | 1-173 | Giấy Xác nhận Số: 2134/XN-ĐHDT ngày 15/7/2021 |
| 3 | 25 năm quan hệ ASEAN - Trung Quốc: Quá trình, thành | TK | NXB Thế giới, 2016 | 3 | Đồng chủ biên | 107-177 | Giấy Xác nhận Số: 2134/XN-ĐHDT ngày 15/7/2021 |

| | | | | | | | |
|---|---|----|--------------------|---|----------|-----------|--|
| | trụ và vấn đề | | | | | | |
| 4 | Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực | CK | NXB Thế giới, 2021 | 4 | | 115 - 548 | Giấy Xác nhận Số: 2134/XN-ĐHDT ngày 15/7/2021; QĐ công nhận Số: 2245/QĐ-ĐHDT ngày 01/6/2021 |
| | | | | | Chủ biên | | |

Trong đó, có 01 sách chuyên khảo (thứ tự số [4] theo danh sách) do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau TS, mà UV là chủ biên: *Trần Xuân Hiệp (chủ biên, 2021), Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực, NXB Thế giới, Hà Nội.*

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|---|-------------------------|--|---------------------|--|
| I | <i>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</i> | | | | |
| 1 | Quan hệ an ninh - chính trị, kinh tế Việt Nam - Campuchia (1993 - 2007) | CN | QĐ giao nhiệm vụ số 186/QĐ-ĐHDT ngày 24/01/2011 Cấp Cơ sở | 2010-2011 | 12/9/2011 QĐ công nhận Số 1974/QĐ-ĐHDT Xếp loại: Khá |
| II | <i>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</i> | | | | |
| 1 | Chính sách tăng trưởng xanh ở Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu và gợi ý chính sách cho Việt Nam | Tham gia (02 chuyên đề) | Số 11/HĐ-CĐ ngày 20/1/2014 Số 12/HĐ-CĐ ngày 25/2/2013 Cấp Bộ | 2013-2014 | Số 11/TLHĐ-CĐ 10/8/2014 Số 12/TLHĐ-CĐ 25/9/2013 |
| 2 | Nghiên cứu về mối quan hệ ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 1991 - 2016 | CN | QĐ giao nhiệm vụ số 4013/QĐ-ĐHDT ngày 20/11/2017 Cấp Cơ sở | 2017-2018 | 10/7/2018 QĐ công nhận Số 3772/QĐ-ĐHDT Xếp loại: Tốt |

| | | | | | |
|---|--|---------------------|--|-----------|--|
| 3 | Tiến trình hợp tác ASEAN + 3 từ năm 2007 - 2017 | CN | QĐ giao nhiệm vụ số 1515/QĐ-ĐHDT ngày 05/4/2021 Cấp Cơ sở | 2020-2021 | 19/7/2021 QĐ công nhận Số 2661/QĐ-ĐHDT Xếp loại: Xuất sắc |
| 4 | Cộng đồng người Việt Nam ở Campuchia: Thực trạng, những vấn đề đặt ra và giải pháp | Thành viên chính | 1072/QĐ-BKHHCN ngày 24/4/2020 Nhiệm vụ Khoa học công nghệ độc lập cấp Quốc gia | 2020-2023 | Đang thực hiện |
| 5 | Xung đột chính trị, tranh chấp lãnh thổ và quyền hàng hải giữa Anh và Hoa Kỳ (1783-1861) | Thành viên chủ chốt | 131/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 21/9/2020 Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia | 2020-2022 | Đang thực hiện |

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT | Tên bài báo/ báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tạp, số, trang | Tháng, Năm công bố |
|----------|--|------------|---------------------------|--|--|--|-----------------------------|--------------------------|
| I | Trước khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | | | |
| 1 | Quan hệ kinh tế Nhật Bản – Lào (1991 – 2007) | 2 | | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á | | | số 2 (108) Trang 17 - 26 | 2/2010 |
| 2 | Quan hệ an ninh – chính trị Việt Nam với Lào và Campuchia giai đoạn 1991 đến nay | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử | | | số 6 (410) Trang 52-60 | 6/2010 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|--|--|--|-----------------------------|---------|
| 3 | Về quá trình phát triển và vai trò của Phật giáo ở vương quốc Lanna (thế kỷ XIII – XVI) | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo | | | số 7 (85) Trang 68 – 74 | 7/2010 |
| 4 | Quan hệ giữa đế quốc Ottoman và đế quốc Byzantine (1299 – 1453) | 2 | | Tạp chí Nghiên cứu châu Âu | | | số 12 (123) Trang 47 -55 | 12/2010 |
| 5 | Quan hệ Việt Nam – Campuchia (1993 – 2008) | 2 | | Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: Quan hệ Việt Nam – Asean – Taiwan. ĐH Huế - ĐH Chinan (Đài Loan) – Viện nghiên cứu Đông Nam Á tổ chức | | | Trang 240-248 | 4/2011 |
| 6 | Hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam – Campuchia (1998 – 2010) | 1 | x | Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: Hội nhập: Hợp tác và cạnh tranh. NXB Thống Kê | | | Trang 266-275 | 12/2011 |
| 7 | Vai trò của giai cấp quý tộc tư sản hóa trong tiến trình Minh Trị Duy Tân | 1 | x | Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: So sánh phong trào “Văn minh hóa” ở Việt Nam và Nhật Bản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia Tp.HCM & Japan Foundation tổ chức | | | Trang 137-150 | 12/2011 |
| 8 | Kỷ yếu Hoàng Sa | 1 | x | Tạp chí Lịch sử Quân sự | | | số 242 Trang 65-67 | 2/2012 |
| 9 | Hợp tác an ninh – quốc phòng Việt Nam – Campuchia đầu thế kỷ XXI | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | số 3 (3) Trang 47-54 | 3/2012 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|---|--|----------------------------|---------|
| 10 | Về quá trình từ khởi đầu tới thời kỳ vàng son của Vương quốc cổ Lan Na | 2 | x | Tạp chí Đại học Sài Gòn | | | số 09, Trang 53-61 | 4/2012 |
| 11 | Việt Nam với hợp tác, liên kết trong Tam giác phát triển | 2 | | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á | | | số 10 (151) Trang 51-56 | 10/2012 |
| 12 | Kinh tế Hàn Quốc (2001 – 2010) và những kinh nghiệm đối với Việt Nam | 1 | x | <i>International Conference Vietnam – Korea Relationship In the Past, the Present and the Future.</i> ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia Tp.HCM & The Academe of Korean Studies tổ chức | | | Trang 392-402 | 12/2012 |
| 13 | Hợp tác giao thông vận tải Việt Nam - Campuchia trong giai đoạn hiện nay | 1 | x | Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội | | | số 1 (2) Trang 58-67 | 1/2013 |
| 14 | Hợp tác du lịch Campuchia - Việt Nam trong giai đoạn hiện nay | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á | | | số 2 (155) Trang 51-62 | 2/2013 |
| 15 | Campuchia trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | số 5 (6) Trang 63-74 | 5/2013 |
| 16 | Mĩ – Cambodia – Trung Quốc và những tác động từ mối quan hệ này | 1 | x | Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm TP.Hồ Chí Minh | 1 | | số 46 (80) Trang 92-99 | 5/2013 |
| 17 | Tham gia vào tiến trình hòa bình | 1 | x | <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế</i> | | | Trang 293-299 | 10/2013 |

| | | | | | | | | |
|--|---|--------------------------|---|---|-----------|--|--|---------------|
| | Campuchia - Sự thể hiện chính sách ngoại giao độc lập và đúng đắn của Nhật Bản đầu những năm 90 của thế kỷ XX | | | <i>lần thứ 2: "Giảng dạy tiếng Nhật và nghiên cứu Nhật Bản tại Việt Nam: Quá khứ - hiện tại - tương lai,</i> Đại học Hà Nội & Japan Foundation tổ chức | | | | |
| 18 | Hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam - Campuchia (1993 - 2010) | 1 | x | Tạp chí Đại học Sài Gòn | | | số 17 Trang 84-91 | 11/2013 |
| 19 | Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ thập niên đầu thế kỷ XXI | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | số 2 (15) Trang 12-26 | 2/2014 |
| II | <i>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</i> | | | | | | | |
| BÀI BÁO THUỘC TẠP CHÍ SCOPUS & QUỐC TẾ KHÁC | | | | | | | | |
| 1 | India-Bhutan Treaties of 1949 and 2007: A Retrospect | 4 (second author) | | India Quarterly: A Journal of International Affairs | Scopus Q3 | | Vol.75, No. 4 pp.441-455. (ISSN 0974-9284) | December 2019 |
| 2 | Balance of Threat, Dynamic Balance and Security Dilemma: Deterioration of Sino-Vietnamese Relations in the Late 1970s | 3 (corresponding author) | x | International Journal of China Studies | Scopus Q4 | | Vol.11, No. 1 pp.103-120 (ISSN: 2180-3250) | June 2020 |

| | | | | | | | | |
|---|---|------------------|---|---|-----------|---|--|----------------|
| 3 | China-ASEAN Trade Relations: A Study of Determinants and Potentials | 5 (first author) | x | The Journal of Asian Finance, Economics and Business | Scopus Q2 | 3 | Vol.7, No.9 pp.209-217 (Print ISSN: 2288-4637/ Online ISSN 2288-4645) | September 2020 |
| 4 | The strait of Malacca (Malaysia) with its role in the network of maritime trade in ASIA an east – west cultural exchange in the middle ages | 2 (first author) | x | PalArch's Journal of Archaeology of Egypt/Egyptology | | 1 | Vol. 17, No.4 pp.84-92 (ISSN 1567-214x) | November 2020 |
| 5 | Women education in the colonial context: The case of the Philippines | 5 (first author) | x | Psychology and Education | | | Vol 56, No.1 pp.5213-5221 (ISSN 00333077) | December 2020 |
| 6 | Chinese factors in India relationship with Myanmar in the Period 1992 - 2014 | 3 (first author) | x | Journal of Education and Social research | Scopus Q3 | | Vol.11, No.1 pp.92-100 (ISSN: 2239-978x print – ISSN: 2240-0524 online) | January 2021 |
| 7 | India – Burma political relations under Prime Minister Jawaharlal Nehru (1947-1064) | 3 (third author) | | Nam Today: An international monthly for the new age mind current affairs research journal | | | Vol.CI No.02 pp.16-24 (ISSN 2347-3193) | February 2021 |

| | | | | | | | | |
|----|--|-------------------|---|---|-----------|--|---|------------|
| 8 | Education and training co-operation Vietnam-Cambodia in the Period 1993 - 2010 | 2 (first author) | x | Elementary Education Online | | | <i>Vol.20, Issue 5</i> pp.1494-1499 (ISSN: 1305-3515) | April 2021 |
| 9 | The Competition and Cooperation between China and India in Energy Security field in the first decade of the 21 th Century | 3 (first author) | x | Contemporary Chinese Political Economy and Strategic Relations | Scopus Q4 | | <i>Vol.7, No.1</i> pp.147-172 (ISSN: 2410-9681) | April 2021 |
| 10 | India Myanmar Relations (1948 - 1992): From "Idealism" to "Realism" in India's Foreign Policy towards Myanmar | 5 (first author) | x | Academic Journal of Interdisciplinary Studies | Scopus Q3 | | <i>Vol.10, No.3</i> pp. 168-176 (ISSN: 2281-3993 print – ISSN: 2281-4612 online) | May 2021 |
| 11 | China's Influence in Myanmar and Implications for India | 4 (third author) | | Jindal Journal of International Affairs | | | <i>Vol. 1, Issue 5</i> pp.10-27 ISSN 2249-8095 | June 2021 |
| 12 | The Impacts of the Adjustment of India's Foreign Policy for India — Myanmar Relations (1992-2014) | 4 (second author) | | Vestnik of Saint Petersburg University. Asian and African Studies | | | <i>Vol. 13, Issue 3</i> pp. 436-460 ISSN 2074-1227 (print version), 2587-5892 (on-line version) | June 2021 |

TẠP CHÍ NGÀNH VÀ KỸ YẾU HỘI THẢO QUỐC GIA, QUỐC TẾ

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|--|---------------------------|---------|
| 13 | Hợp tác thương mại Việt Nam - Campuchia những năm đầu thế kỷ XXI | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | số 10 (23) Trang 51-66 | 10/2014 |
| 14 | Hợp tác thương mại và đầu tư Ấn Độ - Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI | 2 | x | <i>Conference proceedings: International Conference on Adjustments of India's Look East Policy in the new context.</i> VASS Institute for Indian and Southwest Asian Studies. | | | Trang 150 - 168 | 1/2015 |
| 15 | Building the ASEAN identity: A process and the early results | 1 | x | <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Cộng đồng ASEAN sau 2015: Cơ hội và Thách thức".</i> NXB Khoa học Xã hội | | | Trang 63-78 | 5/2015 |
| 16 | Tiến trình xây dựng cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN: Thực trạng và triển vọng | 1 | x | <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Cộng đồng ASEAN sau 2015: Cơ hội và Thách thức".</i> NXB Khoa học Xã hội | | | Trang 415-431 | 5/2015 |
| 17 | Vai trò của biến đổi với dân cư người Việt trong lịch sử và giải pháp phát huy giá | 2 | x | <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Văn Hóa Biển Đảo Nguồn lực phát triển bền vững,</i> NXB Lao động | | | Trang 476 - 484 | 8/2015 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|-------------------------|---------|
| | trị của biển đảo | | | | | | |
| 18 | Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI | 1 | x | Kỷ yếu hội thảo khoa học: "20 năm quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng (1995-2015), ĐH Sư Phạm Huế - ĐH Khoa học Huế - ĐH Ngoại ngữ Huế - Hội Hữu nghị Việt Nam – Hoa Kỳ tỉnh TT.Huế tổ chức | | Trang 238-249 | 11/2015 |
| 19 | Vị trí của Việt Nam trong chính sách "Hướng Đông" của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI | 1 | x | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Giá trị Ấn Độ ở châu Á, NXB Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh | | Trang 108-128 | 1/2016 |
| 20 | Sự trỗi dậy của Ấn Độ: Xu hướng và tác động | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | Số 2 (39) Trang 1-11 | 2/2016 |
| 21 | Quan hệ Việt Nam – Campuchia từ đầu thập niên 1990 của thế kỷ XX đến nay | 1 | x | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: Thực trạng và triển vọng ứng dụng mô hình quản lý dựa vào cộng đồng ở Việt Nam và Campuchia, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân | | Trang 319-341 | 4/2016 |
| 22 | Ấn Độ trong chính sách Tái cân bằng của Mỹ | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | Số 6 (43) Trang 1-8 | 6/2016 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|--|---------------------------|---------|
| 23 | Quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ: Thực trạng và tác động | 1 | x | <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế: Việt Nam - Ấn Độ: "45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược". NXB Lý luận Chính trị</i> | | | Trang 278-291 | 3/2017 |
| 24 | Quan hệ kinh tế Việt Nam - Thái Lan từ năm 1995 đến nay | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á | | | Số 4 (205) Trang 22-27 | 4/2017 |
| 25 | ASEAN Trung Quốc và những tác động từ mối quan hệ này | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | Số 8 (57) Trang 42-49 | 8/2017 |
| 26 | Những tác động của mối quan hệ ASEAN - Trung Quốc đến chủ thể hai bên | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | Số 9 (58) Trang 32-40 | 9/2017 |
| 27 | Vai trò và những đóng góp của ASEAN đối với hợp tác Đông Á | 1 | x | <i>Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: ASEAN 50 năm hội nhập và phát triển.</i> Viện Nghiên cứu Đông Nam Á tổ chức | | | Trang 152 - 165 | 9/2017 |
| 28 | New southbound policy of Taiwan and the position of ASEAN | 1 | x | <i>International conference: ASEAN - TAIWAN (ROC) realations in the context of</i> | | | pp. 68 - 75 | 12/2017 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|--|--|---|--------|
| | | | | <p><i>TAIWAN'S new southbound policy (Conference Proceedings).</i></p> <p>Institute for South East Asia Studies & Chiang Ching-kuo Foundation</p> | | | | |
| 29 | <p>East Sea (South China Sea) in The U.S. Foreign Policy</p> | 2 | x | <p><i>International Conference: The Plan of development on Eastern Cultural Exchange.</i> Hanoi University of Home Affairs & Sunmoon University, Korea</p> | | | pp. 1-10 | 1/2018 |
| 30 | <p>Những hoạt động chính trong Kế hoạch hành động của ASEAN - Trung Quốc (2011 - 2015)</p> | 1 | x | <p>Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á</p> | | | <p><i>Số 1 (62)</i> Trang 48-55</p> | 1/2018 |
| 31 | <p>The West in foreign policy of the Nguyen Dynasty, Vietnam (1802-1858):</p> | 2 | | <p>International Conference Dong-A Core, Korea</p> | | | pp.47-59 | 1/2018 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|--|----------------------------|--------|
| | A new approach | | | | | | |
| 32 | Nhận thức sâu sắc về vấn đề thuộc địa – Một dấu ấn lý luận quan trọng của Hồ Chí Minh trên hành trình tìm đường cứu nước | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | Số 4(65) Trang 67-72 | 4/2018 |
| 33 | Quan hệ đối ngoại Việt Nam – Myanmar trong những năm đầu thế kỷ XXI: Cơ sở và thành tựu | 2 | x | <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học: Việt Nam – Châu Á: Những mối quan hệ lịch sử, văn hóa và văn học.</i> Viện nghiên cứu Đông Nam Á & ĐH Duy Tân tổ chức. | | Trang 284 - 294 | 5/2018 |
| 34 | Vị trí của Việt Nam trong chính sách hướng vào châu Á của Đài Loan | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á | | Số 7 (209) Trang 13-22. | 7/2018 |
| 35 | Quá trình công nghiệp hóa ở Nhật Bản dưới thời Minh Trị (1868-1912) và một số gợi ý cho công cuộc đổi mới | 2 | x | <i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Minh Trị Duy Tân và đổi mới ở Việt Nam.</i> ĐH Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh tổ chức. | | Trang 392 - 400 | 3/2019 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|------------------------------------|--|----------------------------|--------|
| | của Việt Nam hiện nay | | | | | | |
| 36 | Liên minh quân sự giữa Pháp với Tây Ban Nha trong cuộc chiến tại Đà Nẵng (1858 - 1860) | 2 | x | Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung | | Số 05 (61) Trang 48-60 | 5/2019 |
| 37 | Impacts of ASEAN Economic Community on Integration of Vietnamese Industry | 2 | x | <i>Vietnam Social Sciences</i> | | No.6 (194) pp.28-39 | 6/2019 |
| 38 | Thực trạng an ninh chính trị biên giới Việt Nam - Campuchia | 2 | | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á | | Số 7 (232) Trang 23-32 | 7/2019 |
| 39 | ASEAN và Việt Nam trong chiến lược của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump | 2 | | Tạp chí châu Mỹ ngày nay | | Số 07 (256) Trang 13-22 | 7/2019 |
| 40 | Quan hệ đối ngoại Việt Nam - Myanmar trong những năm đầu thế kỷ XXI | 2 | x | Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á | | Số 8 (233) Trang 22-30 | 8/2019 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|--|--|----------------------------|---------|
| 41 | ASEAN trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc: Thực trạng và triển vọng | 2 | | Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc | | | Số 8 (216) Trang 32-40 | 8/2019 |
| 42 | Tác động của nhân tố Campuchia đến an ninh và phát triển của Việt Nam hiện nay | 2 | x | <i>Kỳ yếu hội thảo khoa học: Không gian an ninh và phát triển của Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn.</i> Viện nghiên cứu Đông Nam Á & ĐH Duy Tân tổ chức | | | Trang 216-225 | 8/2019 |
| 43 | Nhân tố Trung Quốc trong quan hệ Ấn Độ và Myanmar (1992 - 2014) | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc | | | Số 11 (219) Trang 32-38 | 11/2019 |
| 44 | Vị thế thương mại của Đảng Trong (Việt Nam) trong hành trình tìm đến châu Á của Bồ Đào Nha (thế kỷ XVI - XVII) | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | Số 11 (84) Trang 81-86 | 11/2019 |
| 45 | Đông Bắc Á trong chính sách "Hướng Đông" của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI: Một số vấn đề đặt ra | 2 | x | Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á | | | Số 12 (85) Trang 23-31 | 12/2019 |
| 46 | The Multicultural Imprints at | 2 | x | Southeast Asian Studies | | | pp. 49-56 | 2019 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|---------------------------|---------|
| | Malacca Trading Port (Malaysia) in the Middle Ages | | | | | | |
| 47 | Địa phòng thủ quân sự: Một cơ sở cho nhận thức và hành động địa chiến lược | 2 | x | Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới | | Số 3 (287) Trang 27-33 | 3/2020 |
| 48 | Chữ Quốc ngữ trong công cuộc cải cách giáo dục của Pháp tại Việt Nam thời thuộc địa (1906-1930) | 2 | x | Tạp chí Khoa học Xã hội miền Trung | | Số 03 (65) Trang 34-42 | 3/2020 |
| 49 | Tư tưởng công bằng và bình đẳng trong Hiến pháp Ấn Độ: Nhìn từ vai trò của Bhimrao Ramji Ambedkar (1891 - 1956) | 2 | | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | Số 05 (90) Trang 11-18 | 5/2020 |
| 50 | Vấn đề Ấn kiều trong quan hệ Ấn Độ - Miền Điện: giai đoạn 1947 - 1964 | 2 | | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | Số 9 (94) Trang 38-43 | 9/2020 |
| 51 | Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh mới | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | Số 10 (95) Trang 1-10 | 10/2020 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|--|------------------------------|---------|
| 52 | Sức mạnh mềm của Trung Quốc và Ấn Độ hiện nay | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á | | | Số 11 (96) Trang 1-8 | 11/2020 |
| 53 | Myanmar trong chính sách kinh tế của Anh thời thuộc địa (1886-1948) | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á | | | Số 11 (248) Trang 24 - 31 | 11/2020 |
| 54 | Lợi ích của Ấn Độ và Trung Quốc ở Ấn Độ Dương | 1 | x | Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc | | | Số 11 (231) Trang 33-42 | 11/2020 |
| 55 | Đông Nam Á trong chiến lược cạnh tranh của Ấn Độ và Trung Quốc | 2 | | <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện nghiên cứu Ấn Độ & Tây Nam Á tổ chức.</i> | | | Trang 293 - 310 | 11/2020 |
| 56 | Quan hệ chính trị, an ninh Ấn Độ - Myanmar: Nhìn từ tác động của chính sách đối ngoại dưới thời Thủ tướng Narendra Modi | 2 | x | Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á | | | Số 2 (99) Trang 1-9 | 2/2021 |

| | | | | | | | | |
|--|---|---|---|---|--|--|-----------------------------|--------|
| 57 | Hồ Chí Minh với việc vận dụng sáng tạo sức mạnh mềm trong hoạt động đối ngoại | 1 | x | Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á | | | Số 4 (101) Trang 59-64 | 4/2021 |
| 58 | Hoạt động kinh tế của tư sản người Việt ở Nam kỳ trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất | 2 | x | Tạp chí Khoa học Xã hội miền Trung | | | Số 03 (71) Trang 41-48 | 6/2021 |
| MỘT SỐ BÀI BÁO ĐIỂN HÌNH CHƯA THUỘC DANH MỤC TÍNH ĐIỂM CỦA HDGSNN | | | | | | | | |
| 1 | Tìm hiểu về thi võ dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX | 1 | x | Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Duy Tân | | | Số 3 (4) Trang 102 - 108 | 3/2012 |
| 2 | Sự du nhập và phát triển Phật Giáo đảng trong thế kỷ XVII-XVIII: Nhìn từ phương diện tiếp xúc văn hóa | 1 | x | Tạp chí khoa học và giáo dục trường Đại học Sư Phạm Đại học Đà Nẵng | | | Số 6 (01) Trang 42-46 | 1/2013 |
| 3 | Hợp tác Việt Nam - Campuchia trong Tiểu vùng sông Mekong mở rộng | 1 | x | Tạp chí Khoa học và Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng | | | Số 8(03) Trang 47-53 | 3/2013 |

| | | | | | | | | |
|---|--|---|---|---|--|--|------------------------------|---------|
| 4 | Hợp tác Việt Nam - Campuchia: Những thành tựu trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe | 1 | x | Tạp chí khoa học và giáo dục trường Đại học Sư Phạm Đại học Đà Nẵng | | | Số 10 (01) Trang 29 -34 | 1/2014 |
| 5 | Hợp tác Việt Nam - Campuchia trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống | 1 | x | Tạp chí khoa học và giáo dục trường Đại học Sư Phạm Đại học Đà Nẵng | | | Số 12 (03) Trang 19 - 25 | 3/2014 |
| 6 | Giảng dạy học phần lịch sử văn minh thế giới ở trường Đại học | 1 | x | Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Duy Tân | | | Số 1 (14) Trang 61 – 65) | 1/2015 |
| 7 | Công tác khảo hạch đội ngũ quan lại dưới triều Nguyễn (1802-1885) | 2 | x | Tạp chí khoa học và giáo dục trường Đại học Sư Phạm Đại học Đà Nẵng | | | Số 15 (02) Trang 36 -40 | 2/2015 |
| 8 | Quan hệ Việt Nam - ASEAN: Nhìn lại và triển vọng | 1 | x | Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Duy Tân | | | Số 4 (17) Trang 105 - 112 | 4/2015 |
| 9 | Sự trở dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra đối với khu vực Đông Nam Á | 1 | x | Tạp chí khoa học trường Đại học Quảng Nam | | | Số 7 Trang 34 - 43 | 12/2015 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|--|--|-----------------------------|--------|
| | trong bối cảnh hiện nay | | | | | | | |
| 10 | Tình hình Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng trong giai đoạn 1954 - 1965 | 1 | x | Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Duy Tân | | | Số 2 (21) Trang 18 - 24 | 2/2017 |
| 11 | Quan hệ đối ngoại ASEAN - Trung Quốc: Nguyên nhân, quá trình và ý nghĩa | 1 | x | Tạp chí khoa học và giáo dục trường Đại học Sư Phạm Đại học Đà Nẵng | | | Số 23 (02) Trang 29 - 40 | 2/2017 |
| 12 | Biển Đông trong chính sách đối ngoại của Mỹ | 2 | x | Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Duy Tân | | | Số 5 (24) Trang 14 - 19 | 5/2017 |
| 13 | Một góc nhìn khác về chính sách "đóng cửa" của triều Nguyễn với các nước phương Tây (1802-1858) | 2 | | Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Duy Tân | | | Số 2 (27) Trang 12 - 17 | 2/2018 |
| 14 | Du lịch tâm linh Phật giáo tại Đà Nẵng: Thực trạng và định hướng phát triển | 2 | x | Tạp chí khoa học và giáo dục trường Đại học Sư Phạm Đại học Đà Nẵng | | | Số 30 (04) Trang 50 - 57 | 4/2018 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|--|------------------------|--------|
| 15 | Tư tưởng "Cử quốc nghênh địch" qua lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh và vận dụng vào bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay | 2 | x | Tạp chí khoa học trường Đại học Quảng Nam | | Số 17 Trang 12 - 20 | 6/2020 |
|----|---|---|---|---|--|------------------------|--------|

- Trong đó: có 05 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS, số thứ tự bài báo là [2], [3], [6], [9], [10] (tác giả đứng đầu hoặc liên hệ).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|--|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|--------------------------------|--|---|---|---------------------|
| 1 | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế | Thư ký | Số 1394/QĐ-ĐHDT ngày 07/5/2016 | Trường Đại học Duy Tân | Quyết định số 1556/QĐ-ĐHDT ngày 22/06/2016 | |
| 2 | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Việt Nam học | Thư ký | Số 1395/QĐ-ĐHDT ngày 07/6/2016 | Trường Đại học Duy Tân | Quyết định số 1556/QĐ-ĐHDT ngày 22/06/2016 | |
| 3 | Quyết định thành lập Ban soạn thảo và xây dựng Đề án Cao học ngành Quan hệ quốc tế | Phó ban | Số 866/QĐ-ĐHDT ngày 15/4/2016 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Quyết định số 4876/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2017 | |
| 4 | Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế trình độ thạc sĩ | Thành viên | Số 1806/QĐ-ĐHDT ngày 19/6/2016 | Trường Đại học Duy Tân | | Đào tạo từ năm 2018 |
| 5 | Quyết định thành lập Ban Xây | Ủy viên | Số 869/QĐ-ĐHDT ngày 15/4/2016 | Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục | Số 11/QĐ-KĐCLGD ngày 20/02/2017 | |

| | | | | | | |
|----|--|------------|---------------------------------|---|--|------------------------------|
| | dụng Đại học đạt chuẩn quốc gia | | | thuộc Hiệp hội các trường ĐH, CĐ Việt Nam | | |
| 6 | Quyết định thành lập Hội đồng KH&ĐT Trường nhiệm kỳ 2015-2020 | Ủy viên | Số 872/QĐ-ĐHDT ngày 15/4/2016 | Trường Đại học Duy Tân | | |
| 7 | Quyết định thành lập Hội đồng Biên tập Tạp chí Khoa học và Công nghệ | Ủy viên | Số 1877/ QĐ-ĐHDT ngày 01/8/2016 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Giấy phép hoạt động số 1245/GP-BTTTT ngày 10/08/2011 | |
| 8 | Quyết định về việc thành lập Tổ công tác triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020" tại Trường Đại học Duy Tân | Thành viên | Số 1860/QĐ-ĐHDT ngày 01/8/2016 | Trường Đại học Duy Tân | | |
| 9 | Quyết định thành lập Ban soạn thảo Đề án mở ngành Quan hệ quốc tế trình độ Tiến sĩ | Thành viên | Số 5277/QĐ-ĐHDT ngày 31/12/2019 | Bộ GD&ĐT | Số 2701/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2021 | |
| 10 | Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế trình độ Tiến sĩ | Thành viên | Số 5278/QĐ-ĐHDT ngày 31/12/2019 | Trường Đại học Duy Tân | | Đào tạo từ năm 2021 |
| 11 | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ quốc tế, Khoa Quốc tế, Đại học Huế | Phản biện | Số 1810/QĐ-ĐHH ngày 31/12/2019 | Đại học Huế | | Tuyển sinh từ năm 2020 |
| 12 | Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm | Phản biện | Số 1868/QĐ-ĐHSP ngày 06/11/2020 | Trường Đại học Sư phạm, | | Nghiệm thu đạt loại xuất sắc |

| | | | | | | |
|----|---|---------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|--|-------------------------|
| | thu đề tài KH&CN cấp Trường trọng điểm thực hiện từ năm 2019 | | | Đại học Đà Nẵng | | |
| 13 | Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KH cấp cơ sở năm 2019 | Phản biện | Số 2342-QĐ/HVCTKV III ngày 02/12/2019 | Học viện Chính trị Khu vực III | | Nghiệm thu đạt loại tốt |
| 14 | Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ khóa XXV | Phản biện | Số 2895/QĐ-ĐHSP ngày 24/10/2018 | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | | 2 học viên |
| 15 | Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ khóa XXVII | Phản biện & Ủy viên | Số 3145/QĐ-ĐHSP ngày 16/12/2020 | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | | 2 học viên |
| 16 | Quyết định thành lập Hội đồng bảo vệ luận văn thạc sĩ | Phản biện & Ủy viên | Số 5324/QĐ-ĐH DT ngày 31/12/2020 | Trường Đại học Duy Tân | | 4 học viên |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ


Trần Xuân Hiệp